

Bản án số: 12/2018/HS-ST
Ngày 28-02 -2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Na.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Quang Vinh

Bà Hoàng Thị Lá

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Phần - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Ngọc A, sinh ngày 30 tháng 6 năm 1990 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: Khu B, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn L và bà Trần Thị T, vợ con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không, nhân thân: Xấu; bị bắt tạm giam từ ngày 14 tháng 12 năm 2017, có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Ông Mai Văn N, sinh năm 1964, nơi cư trú: Khu B, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 18 giờ ngày 13 tháng 12 năm 2017 bị cáo Trần Ngọc A từ nhà đón xe ô tô khách lên thành phố S mục đích tìm mua ma túy về sử dụng. Khi đến khu vực xã M, thành phố S, A xuống xe và ngồi ở cạnh quốc lộ 1A thì gặp một người đàn ông khoảng 40 tuổi làm nghề xe ôm, do trước đó A đã được nhờ

mua ma túy 02 lần nhưng không nhớ thời gian cụ thể, nên A đã đưa cho người đàn ông 300.000đ để nhờ mua ma túy, người đàn ông này cầm tiền và đi khoảng hơn một tiếng đồng hồ thì quay lại đưa cho A 01 (một) túi nylon nhỏ bên trong có chứa ma túy tổng hợp dạng ma túy đá. A cầm túi ma túy vừa mua được đón xe ô tô khách đi về nhà, khi về đến nhà, A lấy một ít số ma túy vừa mua được ra để sử dụng. Khoảng 11 giờ ngày 14 tháng 12 năm 2017 A cho số ma túy còn lại cho vào vỏ bao diêm cất vào túi áo khoác da màu đen bên trái, mục đích khi có nhu cầu thì sử dụng, sau đó đi bộ đến quán Internet tại khu G, thị trấn Đ, huyện C để chơi điện tử, đến 12 giờ 30 phút ngày 14 tháng 12 năm 2017 thì Trần Ngọc A bị Công an huyện C phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: 01 vỏ bao diêm bên trong đựng các hạt tinh thể màu trắng thu giữ trong túi áo ngực bên trái đang mặc và số tiền 452.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu FLYBEE, đã qua sử dụng.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017 Công an huyện Chi Lăng tiến hành khám xét khẩn cấp tại nhà của Trần Ngọc A ở khu B, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thu giữ: 01 (một) nắp chai nhựa bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng trên đệm phòng ngủ và số tiền 600.000 đồng, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, đã qua sử dụng và 03 (ba) đoạn ống thủy tinh (cóng), 02 (hai) vỏ túi nylon trong suốt.

Tại bản Kết luận giám định số 33/KL-PC54 ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, kết luận: Chất tinh thể màu trắng thu giữ của Trần Ngọc A là chất ma túy Methamphetamine, có tổng trọng lượng 1, 210 gam.

Tại cơ quan điều tra, Trần Ngọc A đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng đã truy tố bị cáo Trần Ngọc A về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Kết thúc phần xét hỏi Kiểm sát viên trình bày bản luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Ngọc A theo tội danh và điều luật viện dẫn ở trên. Sau khi đánh giá tính chất vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 33; Nghị quyết số 41/2017; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Ngọc A từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo vì bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có tài sản.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị tịch thu tiêu hủy 02 phong

bì chứa 1,076gam ma túy Methamphetamine được niêm phong dán kín, 03 đoạn ống thủy tinh (cóng) đã qua sử dụng, 02 vỏ túi ni lon trong suốt.

Trả lại cho bị cáo 02 chiếc điện thoại di động và số tiền 1.052.000 đồng do không liên quan đến vụ án.

Bị cáo Trần Ngọc A không có ý kiến tranh luận. Bị cáo thừa nhận việc xét xử là đúng người, đúng tội, không oan. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chi Lăng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Trần Ngọc A tại Cơ quan điều tra phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, với hành vi mà bị cáo đã thực hiện và kết quả giám định tang vật vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Trần Ngọc A phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[3] Hành vi của bị cáo thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, tuy nhiên tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới và các quy định khác có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng những quy định có lợi cho bị cáo khi xét xử.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội mà công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy đang là nhiệm vụ cấp bách của toàn xã hội. Mọi hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy đều phải xử nghiêm minh trước pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương mà còn gây bất bình trong quần chúng nhân dân, vì ma túy không chỉ là chất gây nghiện mà còn có tác hại nghiêm trọng đến sức khỏe con người, tiêu tốn về kinh tế mà còn là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm và các tệ nạn xã hội khác. Do đó cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, trên cơ sở đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo.

[5] Bị cáo thành khẩn khai báo, bố đê bị cáo ông Trần Văn L được Nhà nước tặng thưởng một huân chương chiến công hạng nhì năm 1994, một huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất năm 2001, một huy chương quân kỳ quyết thắng năm 2012, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo là người nghiện ma túy, do đó xác định bị cáo có nhân thân xấu. Vì vậy, việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định là cần thiết.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, sống phụ thuộc gia đình, không có thu nhập và tài sản riêng nên việc áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo không có khả năng thi hành án. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng: 02 (hai) phong bì chứa 1,076 gam ma túy Methamphetamine được niêm phong dán kín là mẫu vật hoàn lại sau giám định, 03 (ba) đoạn ông thủy tinh (cống), 02 (hai) vỏ túi ni lon là vật Nhà nước cấm tàng trữ và không có giá trị sử dụng nên được tịch thu tiêu hủy. Đối với 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu FLYBEE, NOKIA đã qua sử dụng và số tiền 1.052.000 đồng là của của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội, nên trả lại cho bị cáo.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt và xử lý vật chứng là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đối với người đàn ông lái xe ôm mà bị cáo nhờ mua ma túy tại thành phố S do không biết danh tính nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc A phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc A 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 14 tháng 12 năm 2017.

2. Vật chứng vụ án:

Tịch thu và tiêu hủy: 02 (hai) phong bì chứa 1,076gam ma túy Methamphetamine được niêm phong dán kín; 03 (ba) đoạn ống thủy tinh (cóng) đã qua sử dụng; 02 (hai) vỏ túi ni lon trong suốt.

Trả lại cho bị cáo Trần Ngọc A 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu FlyEE không có nắp đậy sau, Model: F23 đã qua sử dụng, 01 (một) điện thoại di động NOKIA Model: RM-1133, vỡ nắp, vỡ màn hình đã qua sử dụng và số tiền 1.052.000 đồng (một triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, có đặc điểm như mô tả trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 09 tháng 02 năm 2018 và giấy ủy nhiệm chi số 04 ngày 09 tháng 02 năm 2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chi Lăng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng.

3. Án phí:

Bị cáo Trần Ngọc A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Chi Lăng;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Chi Lăng
- Chi cục THADS huyện Chi Lăng;
- Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Hoàng Văn Na